

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN
(Tính đến ngày 30/09/2023)**

Khoa: Công nghệ thông tin

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH52000012	Bùi Thị Vân	Anh	D20_TH01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
2	DH52002703	Cung Phương	Anh	D20_TH01	6	5	-	-	-	-	-	1	-	4
3	DH52000029	Nguyễn Văn	Bảo	D20_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4	DH52002179	Trần Gia	Bảo	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	DH52000045	Lê Nguyễn Thành	Công	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52002303	Lê Chí	Cường	D20_TH01	3.5	-	-	-	-	-	2.5	1	-	6.5
7	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH51902172	Nguyễn Tiến	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52001690	Trần Thị Mỹ	Duyên	D20_TH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
10	DH52000482	Ngô Thái	Dương	D20_TH01	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
11	DH52001986	Tổng Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH51901190	Trần Quốc	Đạt	D20_TH01	1.5	-	0.5	-	0.5	-	0.5	-	-	8.5
13	DH52001712	Trần In	Đoanh	D20_TH01	8.5	7	-	-	-	-	1.5	-	-	1.5
14	DH52000880	Mai Nhật	Hào	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
15	DH52001503	Vũ Văn	Hiển	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52002015	Lương Gia	Huy	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH52001933	Đỗ Quốc	Khánh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH52001784	Nguyễn Thiệu	Khiêm	D20_TH01	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
19	DH52002144	Đặng Vinh	Kiên	D20_TH01	8.5	8.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5
20	DH51900489	Lê Hoàng	Long	D20_TH01	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
21	DH52001645	Trần Tấn	Lộc	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
22	DH52001856	Phan Văn	Mãnh	D20_TH01	13	-	0.5	-	-	-	10.5	2	-	0
23	DH52001367	Lâm Chí	Minh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52002302	Cao Hoàng	Nam	D20_TH01	3.5	-	-	-	-	-	2.5	1	-	6.5
25	DH52001037	Lê Trung	Nam	D20_TH01	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
57	DH52000780	Lâm Huỳnh Khánh Minh	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
58	DH52003592	Nguyễn Khải Minh	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
59	DH52002265	Phạm Minh Nhân	D20_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	-	9
60	DH52001486	Đào Minh Nhựt	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
61	DH52000596	Nguyễn Quốc Oai	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
62	DH52002064	Nguyễn Hoài Phong	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
63	DH52001882	Bùi Phong Phú	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
64	DH52002061	Nguyễn Hoàng Ngọc	D20_TH02	6	-	-	-	3	-	3	-	-	-	4
65	DH52001860	Phan Hoàng Phúc	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
66	DH52003255	Lê Triệu Thanh Phương	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
67	DH52000281	Lư Kiều Minh Quân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
68	DH52003521	Huỳnh Minh Quy	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
69	DH52001024	Nguyễn Duy Sơn	D20_TH02	7	-	-	-	-	-	4	-	3	-	3
70	DH52003364	Nguyễn Trinh Duy Tân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
71	DH52001726	Huỳnh Ngọc Thắm	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	8
72	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
73	DH52001630	Nguyễn Ngọc Thiện	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
74	DH52002062	Phan Thanh Thúy	D20_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	-	9
75	DH52003694	Nguyễn Hoàng Tiến	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
76	DH52002032	Phạm Ngọc Quế Trâm	D20_TH02	4	-	-	-	-	-	1	-	3	-	6
77	DH52001832	Tiêu Quang Trường	D20_TH02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	-	7.5
78	DH52003232	Ngô Xuân Tuy	D20_TH02	10.5	0.5	-	-	-	-	10	-	-	-	0
79	DH52001340	Phạm Trọng Việt	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
80	DH52002202	Nguyễn Tuấn Vũ	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	8
81	DH52002063	Lê Trần Thúy Vy	D20_TH02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	-	9
82	DH52003201	Ngô Hoài An	D20_TH03	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	-	0
83	DH52003458	Mai Xuân Anh	D20_TH03	87.5	39	-	-	-	-	45.5	-	3	-	0
84	DH52002912	Nguyễn Thị Linh Chi	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
85	DH52001339	Dương Lê Thành Danh	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
86	DH52002862	Lê Văn Đạt	D20_TH03	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	-	0
87	DH52001330	Phạm Ngọc Đông	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
181	DH52003933	Phạm Thị Thùy Trang	D20_TH05	20.5	-	-	-	-	-	20.5	-	-	0
182	DH52003749	Nguyễn Phạm Gia Vi	D20_TH05	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
183	DH52000747	Nguyễn Thị Thúy Vi	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
184	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc	D20_TH05	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	0
185	DH52005663	Huỳnh Hoàng An	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
186	DH52005670	Lê Hoàng Anh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
187	DH52003384	Trần Thế Quốc Bảo	D20_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
188	DH52005747	Đào Thành Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
189	DH52004120	Hỷ Văn Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
190	DH52004278	Lê Thành Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
191	DH52004553	Nguyễn An Đình	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
192	DH52005776	Nguyễn Thanh Hải	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
193	DH52004258	Võ Nhật Hào	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
194	DH52007219	Tạ Lê Trung Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
195	DH52004098	Trần Minh Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
196	DH52004215	Võ Thanh Hoàng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
197	DH52004471	Nguyễn Hoàng Huân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
198	DH52004986	Diệp Bảo Khánh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
199	DH52004277	Phạm Tuấn Kiệt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
200	DH52004347	Nguyễn Duy Lâm	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
201	DH52004038	Đào Chiêu Linh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
202	DH52004280	Mai Ngọc Phương Linh	D20_TH06	50.5	28	-	-	-	-	21.5	1	-	0
203	DH52004034	Trương Thiện Nhân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
204	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết Như	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
205	DH52001512	Phạm Minh Phú	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
206	DH52004127	Vũ Ngọc Quảng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
207	DH52004336	Mai Hoàng Quý	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
208	DH52001514	Phạm Minh Quý	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
209	DH52004334	Lê Văn Thái	D20_TH06	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
210	DH52004272	Lưu Thị Thanh Thảo	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
211	DH52004121	Phạm Trung Thắng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
212	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
213	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
214	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
215	DH52004106	Châu Gia	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
216	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
217	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
218	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
219	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
220	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
221	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
222	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
223	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
224	DH52004750	Lê Tấn	Được	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
225	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
226	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	24.5	24	-	-	-	-	0.5	-	-	0
227	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
228	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
229	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
230	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
231	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
232	DH52004596	Võ Lê	Khang	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
233	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
234	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
235	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	42.5	37	-	-	-	-	5.5	-	-	0
236	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
237	DH52005933	Kim Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
238	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
239	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
240	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
241	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	27.5	27	-	-	-	-	0.5	-	-	0
242	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
305	DH52005731	Trần Lê Minh Duy	D20_TH09	5	-	0.5	-	-	-	-	4.5	-	-	5
306	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	-	1	1	-	8
307	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam Dương	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
308	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	9.5	-	-	-	-	-	-	9.5	-	-	0.5
309	DH52005745	Cao Tiến Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
310	DH52005049	Đặng Ngọc Giàu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	7
311	DH52005778	Trần Đức Hải	D20_TH09	4	-	-	-	-	-	-	4	-	-	6
312	DH52005800	Phạm Thị Diệu Hiền	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
313	DH52005804	Mai Chí Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
314	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	8	-	0.5	-	-	-	-	7.5	-	-	2
315	DH52005810	Nguyễn Phi Hiếu	D20_TH09	5	-	-	-	-	-	-	5	-	-	5
316	DH52005825	Mai Việt Hoàng	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
317	DH52005827	Nguyễn Văn Hoàng	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
318	DH52006575	Lâm Tuấn Khoa	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
319	DH52005904	Nguyễn Đăng Khoa	D20_TH09	6	-	-	-	-	-	-	6	-	-	4
320	DH52005923	Phạm Võ Hiếu Lễ	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
321	DH52005055	Nguyễn Phú Minh Minh	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	9
322	DH52005955	Võ Việt Mỹ	D20_TH09	36.5	28.5	-	-	-	-	-	8	-	-	0
323	DH52005030	Lê Thanh Nam	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
324	DH52005383	Đặng Thị Kim Ngân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
325	DH52005977	Nguyễn Ngọc Nghĩa	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	7
326	DH52006017	Nguyễn Ngọc Phi	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
327	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	8	0.5	0.5	-	-	-	-	7	-	-	2
328	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	6.5	0.5	0.5	-	-	-	-	5.5	-	-	3.5
329	DH52006105	Võ Đặng Phúc Tấn	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
330	DH52006159	Võ Đức Thanh	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
331	DH52007181	Châu Thị Thu Thảo	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	9
332	DH52006169	Lê Chí Thắng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
333	DH52006178	Trần Ngọc Thê	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
334	DH52006111	Phan Đức Tiến	D20_TH09	6	-	0.5	-	-	-	-	5.5	-	-	4
335	DH52006116	Vũ Minh Tiến	D20_TH09	6	-	-	-	-	-	-	6	-	-	4

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
398	DH52007299	Bùi Trần Đông	Nam	D20_TH11	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
399	DH52007047	Nguyễn Phước	Nguyên	D20_TH11	2	2	-	-	-	-	-	-	-	8
400	DH52006904	Đặng Xuân	Sang	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
401	DH52007102	Trần Nguyễn Thanh Sang		D20_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
402	DH52007024	Đỗ Trần Hải	Son	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
403	DH52006605	Phan Phúc	Tân	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
404	DH52007061	Nguyễn Minh	Tấn	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
405	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	D20_TH11	7.5	2	-	-	-	-	5.5	-	-	2.5
406	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	D20_TH11	2.5	2	-	-	-	-	0.5	-	-	7.5
407	DH52007101	Trần Văn Quốc	Thắng	D20_TH11	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
408	DH52007002	Nguyễn Phước	Thịnh	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
409	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	D20_TH11	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
410	DH52006741	Lại Văn	Toàn	D20_TH11	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
411	DH52006618	Trần Minh	Trung	D20_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
412	DH52006707	Lê Thanh	Tuấn	D20_TH11	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
413	DH52006712	Nguyễn Việt	Tuấn	D20_TH11	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
414	DH52007424	Ôn Tăng Gia	Vĩ	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
415	DH52006610	Huỳnh Nhật	Vương	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
416	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhựt ý		D20_TH11	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
417	DH52101891	Nguyễn Hoài	An	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
418	DH52100001	Nguyễn Văn Trường	An	D21_TH01	29	26.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
419	DH52104274	Hoàng Trung Việt	Anh	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
420	DH52100449	Nguyễn Trần Gia	Bảo	D21_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
421	DH52102778	Phạm Ngọc Gia	Bảo	D21_TH01	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
422	DH52102314	Tổng Thanh	Bình	D21_TH01	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
423	DH52103511	Phạm Hữu	Chí	D21_TH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
424	DH52001026	Phạm Chí	Công	D21_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
425	DH52105426	Nguyễn Lê Tiến	Dũng	D21_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
426	DH52103137	Phan Tuấn	Dũng	D21_TH01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
427	DH52107115	Nguyễn Thành	Đạt	D21_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
428	DH52009028	Phạm Tuấn	Đạt	D21_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
491	DH52101717	Lê Minh	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
492	DH52106504	Phan Chí	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
493	DH52103541	Nguyễn Huy	Hoàng	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
494	DH52101979	Phạm Thị ánh	Hồng	D21_TH02	12	4	-	-	-	-	7	-	1	0
495	DH52101465	Quách Thái	Hùng	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
496	DH52100849	Lý Ngọc Gia	Huy	D21_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
497	DH52104799	Dương Hoàng	Khang	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
498	DH52104569	Nguyễn Trọng	Khiêm	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
499	DH52104108	Nguyễn Đăng	Khoa	D21_TH02	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
500	DH52101267	Lưu Ngọc	Lan	D21_TH02	9.5	-	-	-	-	-	8.5	-	1	0.5
501	DH52100180	Lý Kim	Long	D21_TH02	7	-	0.5	-	-	-	5.5	-	1	3
502	DH52101402	Nguyễn Văn Hoàng	Long	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
503	DH52100937	Nguyễn Xuân	Long	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
504	DH52104938	Nguyễn Vũ	Luân	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
505	DH52107382	Trương Hồng	Luân	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
506	DH52100465	Nguyễn Ngọc	Minh	D21_TH02	4	-	0.5	-	-	-	3.5	-	-	6
507	DH52101466	Nguyễn Hoài	Nam	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
508	DH52106256	Lê Thanh	Nguyên	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
509	DH52101695	Nguyễn Thị Khả	Nhi	D21_TH02	13.5	4	-	-	-	-	9.5	-	-	0
510	DH52107512	Võ Thị Hồng	Nhi	D21_TH02	1.5	-	-	-	-	-	0.5	-	1	8.5
511	DH52101137	Nguyễn Quỳnh	Như	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
512	DH52105864	Mô Ham Mách A Ra	Pát	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
513	DH52101914	Huỳnh Tấn	Phát	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
514	DH52106284	Châu Vĩnh	Phong	D21_TH02	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
515	DH52103613	Lâu Ngọc	Phú	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
516	DH52106083	Lê Trung	Phú	D21_TH02	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
517	DH52105157	Nguyễn	Phú	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
518	DH52103820	Trương Trần Anh	Phúc	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
519	DH52105154	Nguyễn Tuấn	Sang	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
520	DH52101870	Hứa Vinh	Thắng	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
521	DH52105312	Trần Hà Xuân	Thịnh	D21_TH02	4.5	-	0.5	-	-	-	4	-	-	5.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
522	DH52101584	Nguyễn Thị Anh Thu	D21_TH02	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
523	DH52100639	Nguyễn Trung Tính	D21_TH02	1.5	-	-	-	-	-	0.5	-	1	8.5
524	DH52106734	Đặng Đức Trí	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
525	DH52103540	Ngô Nguyễn Thành Triển	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
526	DH52101407	Nguyễn Quang Triệu	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
527	DH52111960	Hà Tiến Trung	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
528	DH52105156	Lê Thanh Trung	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
529	DH52100800	Thân Quốc Tú	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
530	DH52107408	Trần Minh Tú	D21_TH02	4	2	-	-	-	-	1	-	1	6
531	DH52105346	Lê Nguyễn Thành Vũ	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
532	DH52106190	Bùi Quốc Anh	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
533	DH52106241	Phạm Bảo Anh	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
534	DH52101856	Nguyễn Duy Bản	D21_TH03	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
535	DH52101128	Nguyễn Kỳ Hoàng Chương	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
536	DH52107607	Lê Hoàng Công	D21_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
537	DH52106599	Dương Chấn Đạt	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
538	DH52107076	Lê Tuấn Đạt	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
539	DH52103348	Nguyễn Phan Hoàng	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
540	DH52100456	Huỳnh Hoàng Hải	D21_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
541	DH52101130	Nguyễn Anh Hào	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
542	DH52102882	Bùi Thanh Hậu	D21_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
543	DH52107728	Lê Huy Hoàng	D21_TH03	11.5	4	-	-	-	-	6	-	1.5	0
544	DH52104015	Nguyễn Huy Hoàng	D21_TH03	3.5	1	-	-	-	-	2.5	-	-	6.5
545	DH52103289	Nguyễn Quốc Hoàng	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
546	DH52107715	Trần Văn Hoàng	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
547	DH52103404	Trần Hoàng Huy	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
548	DH52107557	Võ Xuân Huy	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
549	DH52101490	Phan Dương Khang	D21_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
550	DH52106560	Phạm Đoàn Khánh	D21_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
551	DH52106994	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	D21_TH03	2	-	-	-	-	-	0.5	-	1.5	8
552	DH52106310	Trương Thủ Khoa	D21_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
553	DH52103066	Đỗ Nguyễn Anh	Khôi	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
554	DH52107543	Nguyễn Võ Trung	Kiên	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
555	DH52101039	Trần Quý	Kiệt	D21_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
556	DH52108297	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	D21_TH03	20.5	11	-	-	-	-	8.5	1	-	0
557	DH52101401	Nguyễn Công Bảo	Long	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
558	DH52106740	Trần Hoàng	Long	D21_TH03	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
559	DH52102880	Huỳnh Quốc	Lợi	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
560	DH52103784	Nguyễn Hữu	Luân	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
561	DH52103467	Nguyễn Thành	Minh	D21_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
562	DH52103115	Nguyễn Thiện	Nhân	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
563	DH52103397	Nguyễn Minh	Nhật	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
564	DH52104508	Trần Sô	Ny	D21_TH03	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
565	DH52103039	Phạm Xuân	Phú	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
566	DH52106430	Nguyễn Trọng	Phúc	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
567	DH52108080	Nguyễn Trường	Phúc	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
568	DH52105659	Bạch Đức	Phước	D21_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
569	DH52103494	Trần Thanh	Phương	D21_TH03	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
570	DH52104560	Lê Anh	Quân	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
571	DH52100077	Chu Gia	Quyền	D21_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
572	DH52107035	Lưu Tấn	Sang	D21_TH03	22.5	21	-	-	-	-	1.5	-	-	0
573	DH52100133	Trần Đình	Thái	D21_TH03	18.5	1	-	-	-	-	16.5	1	-	0
574	DH52107089	Nguyễn Minh Nhật	Thanh	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
575	DH52104774	Tô Văn	Thanh	D21_TH03	11	10.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
576	DH52106107	Trương Thành	Thi	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
577	DH52103871	Phạm Minh	Trị	D21_TH03	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
578	DH52107697	Đình Nguyễn	Tuấn	D21_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
579	DH52100999	Phạm Mạnh	Tuấn	D21_TH03	25	24	-	-	-	-	1	-	-	0
580	DH52104582	Ngô Duy	Tùng	D21_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
581	DH52105320	Hồ Nhật	Tường	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
582	DH52102720	Trần Nguyễn Bảo	Uyên	D21_TH03	7	3	-	-	-	-	4	-	-	3
583	DH52102487	Nguyễn Thị Từ	Vi	D21_TH03	14.5	6	-	-	-	-	8.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
584	DH52106608	Đỗ Quang	Vinh	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
585	DH52107698	Nguyễn Lê Hoàng	Vinh	D21_TH03	12	10.5	-	-	-	-	1.5	-	-	0
586	DH52103727	Đào Duy Hoàng	Vuong	D21_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
587	DH52106879	Nguyễn Thúy	Vy	D21_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
588	DH52104583	Đặng Hoài	An	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
589	DH52107366	Lê Quốc	An	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
590	DH52101199	Lê Nguyễn Thanh	Bình	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
591	DH52106600	Lê Anh	Dũng	D21_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
592	DH52106723	Dương Trường	Duy	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
593	DH52101497	Lê Yên	Đan	D21_TH04	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
594	DH52103479	Trịnh Gia	Đạt	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
595	DH52107825	Nguyễn Huỳnh	Đức	D21_TH04	2.5	-	1	-	-	-	1.5	-	-	7.5
596	DH52107880	Trần Hồ Minh	Đức	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
597	DH52106804	Nguyễn Trường	Giang	D21_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
598	DH52103264	Ngô Tấn	Hào	D21_TH04	10.5	1	-	-	-	-	9.5	-	-	0
599	DH52105753	Nguyễn Hồ Minh	Hiền	D21_TH04	4	-	1	-	-	-	3	-	-	6
600	DH52107858	Mai Hữu	Hiếu	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
601	DH52106187	Tạ Tương	Hiếu	D21_TH04	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
602	DH52108371	Nguyễn Tấn	Hoàng	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
603	DH52103588	Nguyễn Đoàn Minh	Hùng	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
604	DH52105093	Nguyễn Hoàng	Huy	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
605	DH52106696	Trần Đức	Huy	D21_TH04	3.5	-	0.5	-	-	-	3	-	-	6.5
606	DH52106511	Huỳnh Nhật	Khang	D21_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
607	DH52107879	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
608	DH52103938	Bùi Văn Anh	Kiệt	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
609	DH52107913	Trương Anh	Kiệt	D21_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
610	DH52100361	Nguyễn Thành	Lâm	D21_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
611	DH52104857	Lê Thị Đa	Lin	D21_TH04	3.5	2	-	-	-	-	1.5	-	-	6.5
612	DH52105046	Đoàn Phước	Lợi	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
613	DH52106969	Đỗ Thành	Luân	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
614	DH52100932	Phạm Hoàng	Minh	D21_TH04	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
615	DH52100514	Trần Quốc	Nam	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
616	DH52100215	Hà Bảo	Nguyên	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
617	DH52104533	Võ Trí	Nhân	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
618	DH52101650	Châu Quang	Nhật	D21_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
619	DH52106198	Nguyễn Gia	Phú	D21_TH04	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
620	DH52101065	Nguyễn Hoàng	Phúc	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
621	DH52106873	Nguyễn Hoàng	Quan	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
622	DH52107853	Bùi Quang	Quý	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
623	DH52106677	Trần Thanh	Son	D21_TH04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
624	DH52100604	Phạm Quốc	Thái	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
625	DH52100027	Tống Thiên	Thanh	D21_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
626	DH52107819	Nguyễn Dư Ngọc	Thiện	D21_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
627	DH52105184	Võ Minh	Thiện	D21_TH04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
628	DH52106667	Nguyễn Đình	Thông	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
629	DH52106268	Trịnh Thanh	Trúc	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
630	DH52102001	Phạm Anh	Tuấn	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
631	DH52104182	Phan Anh	Tuấn	D21_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
632	DH52106292	Phan Duy	Tuấn	D21_TH04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
633	DH52109046	Trần Quang	Tuấn	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
634	DH52105435	Nguyễn Đình	Tư	D21_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
635	DH52104782	Phan Thành	Văn	D21_TH04	13.5	-	-	-	-	-	13.5	-	-	0
636	DH52106527	Phạm Hoàng	An	D21_TH05	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
637	DH52110556	Nguyễn Bảo	Anh	D21_TH05	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5
638	DH52104887	Nhữ Quốc	Anh	D21_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
639	DH52110568	Phạm Minh	Anh	D21_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
640	DH52109246	Lại Thế	Bảo	D21_TH05	2.5	-	-	-	1	-	1.5	-	-	7.5
641	DH52110602	Nguyễn Hoàng	Bảo	D21_TH05	7.5	-	-	-	-	-	4.5	-	3	2.5
642	DH52110616	Vương Hữu Quốc	Bảo	D21_TH05	9	-	-	-	-	-	6.5	-	2.5	1
643	DH52110640	Hà Thị Mỹ	Châu	D21_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
644	DH52108517	Hoàng Hữu Lê	Chinh	D21_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
645	DH52110649	Nguyễn Thành	Công	D21_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
832	DH52111086	Dương Trí	Khang	D21_TH08	1	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9
833	DH52111098	Mai Nguyễn Duy	Khang	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
834	DH52111107	Trần Nhật	Khang	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
835	DH52111111	Bùi Ngọc Duy	Khánh	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
836	DH52111117	Nguyễn Quốc	Khánh	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
837	DH52111132	Hồ Đăng	Khoa	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
838	DH52111137	Nguyễn Anh	Khoa	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
839	DH52109037	Nguyễn Sĩ	Khoa	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
840	DH52111167	Nguyễn Trung	Kiên	D21_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
841	DH52113292	Lê Minh	Kiệt	D21_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
842	DH52111174	Ngô Tuấn	Kiệt	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
843	DH52111204	Trương Văn	Liêu	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
844	DH52111209	Huỳnh Lê Nhã	Linh	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
845	DH52111240	Nguyễn Việt	Long	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
846	DH52111253	Nguyễn Tấn	Lộc	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
847	DH52104298	Lê Thị Ly	Ly	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
848	DH52111358	Đông Văn	Nghĩa	D21_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
849	DH52111401	Lê Quang	Nhân	D21_TH08	3	0.5	-	-	-	-	2.5	-	-	7
850	DH52111411	Trần Trọng	Nhân	D21_TH08	5.5	2.5	-	-	-	-	3	-	-	4.5
851	DH52111456	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
852	DH52111560	Võ Hoàng	Phúc	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
853	DH52113345	Lữ Mai	Phương	D21_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
854	DH52111707	Lê Thanh	Tâm	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
855	DH52111793	Nguyễn Chí	Thiện	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
856	DH52111833	Lê Nguyễn Minh	Thông	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
857	DH52111838	Nguyễn Hoàng	Thông	D21_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
858	DH52111847	Lương Hiếu	Thuận	D21_TH08	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
859	DH52113388	Nguyễn Thị Mai	Thy	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
860	DH52111881	Trần Thủy	Tiên	D21_TH08	2.5	2	-	-	-	-	0.5	-	-	7.5
861	DH52111883	Đỗ Ngọc	Tiến	D21_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
862	DH52111919	Trần Bảo Nam	Trân	D21_TH08	9.5	4	-	-	-	-	5.5	-	-	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
863	DH52111969	Trần Minh	Trung	D21_TH08	26.5	22	-	-	-	-	4.5	-	-	0
864	DH52001381	Nguyễn Hoàng	Tuấn	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
865	DH52112019	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuệ	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
866	DH52112127	Luong Triều	Vỹ	D21_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
867	DH52110677	Nguyễn Ngọc	Doanh	D21_TH09	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
868	DH52110685	Nguyễn Trí	Dũng	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
869	DH52110779	Nguyễn Tấn	Đạt	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
870	DH52110797	Nguyễn Hải	Đăng	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
871	DH52110805	Nguyễn ái Thiêm	Định	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
872	DH52110821	Nguyễn Chí	Đức	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
873	DH52110875	Phan Nhựt	Hào	D21_TH09	3	-	-	-	-	-	1	-	2	7
874	DH52110889	Dương Minh	Hiệp	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
875	DH52110937	Nguyễn Thiện	Hòa	D21_TH09	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
876	DH52110995	Đỗ Quang	Huy	D21_TH09	6	-	-	-	0.5	-	5.5	-	-	4
877	DH52111010	Nguyễn Đức	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
878	DH52111030	Nguyễn Quốc	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
879	DH52111043	Tô Đan	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
880	DH52111052	Võ Nguyễn Nhật	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
881	DH52111076	Phan Văn	Kha	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
882	DH52111080	Lý Hữu	Khải	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
883	DH52111083	Trần Mai Huy	Khải	D21_TH09	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
884	DH52111102	Nguyễn Hồ Nhật	Khang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
885	DH52111122	Tổng Phước Gia	Khánh	D21_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
886	DH52111146	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
887	DH52111198	Tô Thanh	Lâm	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
888	DH52111227	Huỳnh Nguyễn Nhật	Long	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
889	DH52111246	Võ Thanh Trường	Long	D21_TH09	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
890	DH52111255	Phan Tấn	Lộc	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
891	DH52111298	Dương Văn	Minh	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
892	DH52111314	Phan Khánh	Minh	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
893	DH52111357	Đặng Minh	Nghĩa	D21_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
894	DH52111363	Nguyễn Đăng Trung	Nghĩa	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
895	DH52111379	Đặng Nhật	Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
896	DH52100776	Vũ Trung	Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
897	DH52111432	Thạch Thị Tuyết	Nhi	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
898	DH52111441	Nguyễn Thị	Nhung	D21_TH09	18	15	-	-	1	-	2	-	-	0
899	DH52111445	Lê Trần Ngọc	Như	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
900	DH52111465	Hoàng Tấn	Phát	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
901	DH52111471	Mai Xuân	Phát	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
902	DH52111481	Trương Quang	Phát	D21_TH09	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
903	DH52111482	Võ Văn	Phát	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
904	DH52111486	Nguyễn Tấn	Phi	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
905	DH52111510	Nguyễn Văn	Phú	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
906	DH52111579	Nguyễn Việt	Phương	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
907	DH52111592	Nguyễn Viết	Quang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
908	DH52111659	Trần Thanh	Sang	D21_TH09	8	-	1	-	-	1	6	-	-	2
909	DH52113552	Trần Thanh	Sang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
910	DH52111660	Trương Tấn	Sang	D21_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
911	DH52111700	Thái Tấn	Tài	D21_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
912	DH52113772	Nguyễn Hải Minh	Tân	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
913	DH52111751	Trương Quang	Thành	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
914	DH52111775	Hà Quang	Thật	D21_TH09	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
915	DH52111832	Đỗ Hoàng	Thông	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
916	DH52111902	Nguyễn Hữu	Toàn	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
917	DH52111930	Nguyễn Minh	Trí	D21_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
918	DH52112003	Lê Thanh	Tuấn	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
919	DH52108826	Nguyễn Xuân	Văn	D21_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
920	DH52112111	Thạch Minh	Vũ	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
921	DH52110599	Nguyễn Gia	Bảo	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
922	DH52113549	Đặng Gia	Bình	D21_TH10	11	-	-	-	-	-	10	-	1	0
923	DH52112966	Vũ Văn	Dương	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
924	DH52113469	Nguyễn Lê	Đạt	D21_TH10	6.5	-	-	-	-	-	4.5	1	1	3.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
925	DH52110898	Bùi Nguyễn Trọng Hiếu	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
926	DH52110903	Lê Nguyễn Trọng Hiếu	D21_TH10	8.5	-	0.5	-	-	-	5	2	1	1.5
927	DH52110936	Nguyễn Hòa	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
928	DH52111015	Nguyễn Huỳnh Quốc Huy	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
929	DH52111055	Trần Đức Huynh	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
930	DH52111093	Lê Duy Khang	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
931	DH52111112	Đỗ Quốc Khánh	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
932	DH52111115	Mai Lâm Quang Khánh	D21_TH10	6.5	-	-	-	-	-	5.5	1	-	3.5
933	DH52111118	Nguyễn Trần Minh Khánh	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
934	DH52111143	Nguyễn Lê Quốc Khoa	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
935	DH52111147	Trần Hoàng Đăng Khoa	D21_TH10	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
936	DH52111171	Lâm Tuấn Kiệt	D21_TH10	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
937	DH52111186	Âu Dương Thiên Kim	D21_TH10	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
938	DH52111245	Võ Thành Long	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
939	DH52111256	Trần Hải Lộc	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
940	DH52111258	Trần Tấn Lộc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
941	DH52111438	Trần Tâm Nhiên	D21_TH10	9	0.5	-	-	-	-	7.5	-	1	1
942	DH52111453	Võ Minh Nhựt	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
943	DH52111477	Nìm Dòng Phát	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
944	DH52111491	Nguyễn Chí Phong	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
945	DH52111495	Phạm Hồng Phong	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
946	DH52111497	Vương Lập Phong	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
947	DH52111509	Nguyễn Thành Tỷ Phú	D21_TH10	5.5	-	-	-	-	2	3.5	-	-	4.5
948	DH52111520	Lâm Hoàng Phúc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
949	DH52111529	Lê Trần Trọng Phúc	D21_TH10	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
950	DH52111532	Lưu Phạm Hồng Phúc	D21_TH10	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
951	DH52111535	Nguyễn Hoàng Phúc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
952	DH52111554	Phạm Hoàng Phúc	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
953	DH52004099	Trương Minh Phúc	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
954	DH52111563	Nguyễn Trọng Phụng	D21_TH10	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
955	DH52111570	Trần Hữu Phước	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
956	DH52111584	Lê Minh Quang	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
957	DH52111603	Nguyễn Hoàng Anh Quân	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
958	DH52111612	Trần Nguyễn Hoàng Quân	D21_TH10	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
959	DH52111629	Nguyễn Hồ Phú Quý	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
960	DH52111637	Nguyễn Đăng Quyền	D21_TH10	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
961	DH52111673	Trần Nguyễn Ngọc Sơn	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
962	DH52111681	Lê Anh Tài	D21_TH10	11.5	-	-	-	-	-	8.5	-	3	0
963	DH52111685	Nguyễn Đức Tài	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
964	DH52111699	Thái Nguyễn Thành Tài	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
965	DH52111716	Phan Nhật Tân	D21_TH10	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
966	DH52111720	Nguyễn Công Tấn	D21_TH10	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
967	DH52111721	Nguyễn Ngọc Tấn	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
968	DH52111723	Trần Tấn Thạch	D21_TH10	12	-	-	-	12	-	-	-	-	0
969	DH52111737	Cao Tấn Thành	D21_TH10	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
970	DH52111753	Viên Tuấn Thành	D21_TH10	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
971	DH52111776	Nguyễn Thanh Thế	D21_TH10	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
972	DH52111780	Lê Uyên Thiên Thi	D21_TH10	11	1	-	-	-	-	7	-	3	0
973	DH52112822	Nguyễn Thanh Thiện	D21_TH10	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
974	DH52111800	Võ Lâm Minh Thiện	D21_TH10	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
975	DH52112786	Đình Quang Thịnh	D21_TH10	4	1	-	-	-	-	3	-	-	6
976	DH52113005	Lê Hoàng Thịnh	D21_TH10	2.5	-	-	-	-	-	1.5	1	-	7.5
977	DH52111823	Võ Thị Tho	D21_TH10	10.5	1	-	-	-	-	8.5	-	1	0
978	DH52111857	Văn Đình Thuật	D21_TH10	12	-	-	-	-	10	2	-	-	0
979	DH52111863	Nguyễn Thị Minh Thư	D21_TH10	4.5	-	-	-	-	-	3.5	1	-	5.5
980	DH52007272	Bùi Văn Tiến	D21_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
981	DH52111916	Huỳnh Thị Cẩm Trân	D21_TH10	4.5	1	-	-	-	-	3.5	-	-	5.5
982	DH52111923	Đỗ Minh Trí	D21_TH10	4.5	-	-	-	-	2	2.5	-	-	5.5
983	DH52111928	Nguyễn Hữu Trí	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
984	DH52111933	Nguyễn Thanh Trí	D21_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
985	DH52112742	Nguyễn Thành Triển	D21_TH10	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
986	DH52111957	Bùi Ngọc Quốc Trung	D21_TH10	4.5	-	-	-	-	-	3.5	1	-	5.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1049	DH52113389	Bùi Văn Minh	Đức	D21_TH12	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1050	DH52113613	Châu Quốc	Kiệt	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1051	DH52113263	Huỳnh Hữu	Lam	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1052	DH52111270	Lợi Gia	Luân	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1053	DH52111285	Nguyễn Văn	Lý	D21_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1054	DH52111293	Ong Văn	Mến	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1055	DH52111317	Phạm Lê Nhật	Minh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1056	DH52111325	Vũ Đức	Minh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1057	DH52113718	Bùi Nhật	Nam	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1058	DH52111343	Phan Hoàng Nhật	Nam	D21_TH12	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1059	DH52112805	Võ Trọng	Nghĩa	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1060	DH52111392	Trần Sỹ	Nguyên	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1061	DH52111413	Trương Minh	Nhân	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1062	DH52111467	Huỳnh Tấn	Phát	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1063	DH52111469	Lê Thành	Phát	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1064	DH52111484	Nguyễn Nhật	Phi	D21_TH12	16	-	-	-	-	-	16	-	-	0
1065	DH52113030	Huỳnh Hoàng Gia	Phú	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1066	DH52111505	Ngô Triệu	Phú	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1067	DH52111506	Nguyễn Anh	Phú	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1068	DH52111541	Nguyễn Minh	Phúc	D21_TH12	14.5	-	-	-	-	-	14.5	-	-	0
1069	DH52111545	Nguyễn Trần Thiện	Phúc	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1070	DH52113632	Trần Thị	Phương	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1071	DH52111606	Nguyễn Minh	Quân	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1072	DH52111617	Dương Văn	Quốc	D21_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1073	DH52111624	Nguyễn Trọng Từ	Quy	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1074	DH52111688	Nguyễn Mạnh	Tài	D21_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1075	DH52111690	Nguyễn Thanh	Tài	D21_TH12	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1076	DH52111704	Dương Văn Minh	Tâm	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1077	DH52113174	Phạm Nguyễn Thanh	Tâm	D21_TH12	4.5	-	-	-	1	-	3.5	-	-	5.5
1078	DH52111762	Huỳnh Đại	Thắng	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1079	DH52111814	Nguyễn Trần Phúc	Thịnh	D21_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1080	DH52111817	Trần Gia	Thịnh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1081	DH52111824	Đặng Trương Hoàng	Thọ	D21_TH12	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
1082	DH52113777	Huỳnh Xuân	Thọ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1083	DH52113048	Nguyễn Anh Dũ	Thương	D21_TH12	4	-	0.5	-	-	-	0.5	-	3	6
1084	DH52113099	Võ Nhật	Tiến	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1085	DH52111900	Nguyễn Công	Toại	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1086	DH52111903	Nguyễn Kiều Minh	Toàn	D21_TH12	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
1087	DH52111904	Nguyễn Minh	Toàn	D21_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1088	DH52113550	Nguyễn Văn	Toàn	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1089	DH52111925	Nguyễn Công	Trí	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1090	DH52111947	Nguyễn Hoàng Phương	Trinh	D21_TH12	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1091	DH52111950	Hứa Nhựt	Trọng	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1092	DH52111977	Nguyễn Quang	Trường	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1093	DH52111990	Phan Thanh	Tú	D21_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1094	DH52111992	Trịnh Ngọc	Tú	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1095	DH52111993	Võ Ngọc	Tú	D21_TH12	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
1096	DH52112031	Nguyễn Hoài	Tuyên	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1097	DH52113134	Mai Quang	Vinh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1098	DH52112086	Nguyễn Trần Thế	Vinh	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1099	DH52112093	Nguyễn Vương	Võ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1100	DH52112095	Lê Tuấn	Vũ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1101	DH52112106	Nguyễn Văn	Vũ	D21_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1102	DH52112109	Phạm Nguyên	Vũ	D21_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1103	DH52112114	Vũ Duy Anh	Vũ	D21_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1104	DH52112869	Nguyễn Thị Tường	Vy	D21_TH12	8	-	0.5	-	-	-	4.5	-	3	2
1105	DH52110543	Trần Bảo	An	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1106	DH52110544	Trịnh Thị Thúy	An	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1107	DH52110553	Mai Trần Duy	Anh	D21_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1108	DH52110555	Ngô Tuấn	Anh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1109	DH52110567	Nguyễn Việt	Anh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1110	DH52110579	Đình Xuân Phước	Ân	D21_TH13	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
1204	DH52111682	Lê Nguyễn Trọng Tài	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1205	DH52111732	Hoàng Lâm Thanh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1206	DH52111761	Đỗ Đức Thắng	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1207	DH52113047	Phan Đức Thắng	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1208	DH52111787	Nguyễn Nhật Thiên	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1209	DH52112002	Lâm Đình Tuấn	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1210	DH52112009	Nguyễn Văn Tuấn	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1211	DH52112016	Trịnh Anh Tuấn	D21_TH14	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
1212	DH52112047	Hoàng Đức Uy	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
1213	DH52113755	Đồng Thị Tường Vi	D21_TH14	7	0.5	0.5	-	0.5	-	5.5	-	-	-	3
1214	DH52112079	Nguyễn Đình Vinh	D21_TH14	2	0.5	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8
1215	DH52112089	Trần Hoàng Vinh	D21_TH14	4.5	0.5	-	-	-	-	4	-	-	-	5.5
1216	DH52112101	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	D21_TH14	4	-	-	-	-	-	4	-	-	-	6
1217	DH52112105	Nguyễn Quang Vũ	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1218	DH52112122	Nguyễn Thị Yến Vy	D21_TH14	7	-	-	-	-	-	5.5	-	1.5	-	3
1219	DH52200296	Doãn Đình An	D22_TH01	5.5	-	2	-	-	-	3.5	-	-	-	4.5
1220	DH52200383	Trần Ngọc Bích	D22_TH01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	7
1221	DH52200410	Đỗ Thành Chung	D22_TH01	2.5	-	1	-	-	-	1.5	-	-	-	7.5
1222	DH52200419	Tổng Phước Công	D22_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1223	DH52200421	Dương Quốc Cường	D22_TH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	8
1224	DH52200533	Huỳnh Lâm Chí Dũng	D22_TH01	3.5	-	-	-	1	-	2.5	-	-	-	6.5
1225	DH52200559	Lê Khánh Duy	D22_TH01	3.5	-	-	-	1	-	2.5	-	-	-	6.5
1226	DH52200562	Lê Trọng Duy	D22_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
1227	DH52200583	Phạm Thái Duy	D22_TH01	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	-	8.5
1228	DH52200480	Nguyễn Lê Thành Đạt	D22_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1229	DH52102631	Trần Đỗ Khoa Điền	D22_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1230	DH52200505	Ngô Huế Đình	D22_TH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	8
1231	DH52200524	Nguyễn Công Đức	D22_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1232	DH52200631	Lư Anh Hào	D22_TH01	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	-	8.5
1233	DH52200637	Nguyễn Trí Hào	D22_TH01	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	9
1234	DH52200655	Tạ Minh Hậu	D22_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1328	DH52201083	Trần Hoa	Nam	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1329	DH52201090	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1330	DH52201099	Nguyễn Phước	Nghĩa	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1331	DH52201106	Hoàng Minh	Ngọc	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1332	DH52201109	Phan Thị Ngân	Ngọc	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1333	DH52201152	Nguyễn Minh	Nhật	D22_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1334	DH52111440	Huỳnh	Nhu	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1335	DH52201181	Huỳnh Nguyễn Tấn	Phát	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1336	DH52201183	Lai Thuận	Phát	D22_TH02	7	5	-	-	-	-	2	-	-	3
1337	DH52201202	Trần Minh	Phi	D22_TH02	1.5	-	-	-	-	-	-	-	1.5	8.5
1338	DH52201207	Lê Chí	Phong	D22_TH02	5	1	-	-	-	-	3	1	-	5
1339	DH52201208	Lê Đình Tam Quốc	Phong	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1340	DH52201278	Nguyễn Ngọc Minh	Phương	D22_TH02	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
1341	DH52201304	Mai Trần Minh	Quang	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1342	DH52201319	Nguyễn Văn	Quý	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1343	DH52201335	Thái Trọng	Quý	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1344	DH52201362	Trần Tuấn	Sang	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1345	DH52201453	Đào Minh	Thành	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1346	DH52201466	Phạm Trí	Thành	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1347	DH52201435	Lê Duyên	Thắng	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1348	DH52201426	Lê Hoàng	Thân	D22_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1349	DH52201485	Lê Gia	Thiện	D22_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1350	DH52201516	Nguyễn Minh	Thông	D22_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1351	DH52201527	Trần Thị Minh	Thư	D22_TH02	26	25	-	-	-	-	1	-	-	0
1352	DH52201580	Nguyễn Quốc	Tĩnh	D22_TH02	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1353	DH52201581	Nguyễn Thị Kim	Tòa	D22_TH02	16	11	-	-	-	-	5	-	-	0
1354	DH52201590	Nguyễn Việt	Toàn	D22_TH02	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1355	DH52201610	Lương Thị Huyền	Trang	D22_TH02	3.5	-	-	-	-	-	2	-	1.5	6.5
1356	DH52201602	Danh Thị Bảo	Trân	D22_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1357	DH52201631	Nguyễn Minh	Trí	D22_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1358	DH52201638	Trần Hải	Trí	D22_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1421	DH52201250	Nguyễn Trường Phúc	D22_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1422	DH52201253	Phan Hữu Phúc	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1423	DH52201275	Khru Ngọc Thanh Phương	D22_TH03	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
1424	DH52201307	Nguyễn Phúc Toàn Quang	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1425	DH52201315	Trần Nhật Quang	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1426	DH52201290	Nguyễn Hồng Quân	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1427	DH52201341	Nguyễn Ngọc Quyến	D22_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1428	DH52201345	Bùi Vạn Quỳnh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1429	DH52201391	Nguyễn Xuân Tài	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1430	DH52201392	Phạm Hữu Tài	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1431	DH52201412	Trần Thanh Tân	D22_TH03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1432	DH52201418	Nguyễn Duy Thái	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1433	DH52201419	Nguyễn Quốc Thái	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1434	DH52201447	Lư Chí Thanh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1435	DH52201451	Tân Khải Thanh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1436	DH52201475	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1437	DH52201431	Chung Nguyễn Quốc Thắng	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1438	DH52201508	Võ Lê Minh Thịnh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1439	DH52201526	Trần Phạm Minh Thư	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1440	DH52201568	Nguyễn Hữu Tín	D22_TH03	1	-	-	-	-	-	-	-	1	9
1441	DH52201569	Nguyễn Trọng Tín	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1442	DH52201597	Lê Nguyễn Duy Tôn	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1443	DH52201601	Trần Thị Ngọc Trâm	D22_TH03	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1444	DH52201659	Phan Thanh Trọng	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1445	DH52201699	Nguyễn Thị Cẩm Tú	D22_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1446	DH52201708	Lê Minh Tuấn	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1447	DH52201713	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	D22_TH03	2.5	-	0.5	-	-	-	1	-	1	7.5
1448	DH52201724	Võ Hoàng Tuấn	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1449	DH52201757	Nguyễn Lâm Chí Vinh	D22_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1450	DH52200305	Nguyễn Ngọc Phúc An	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1451	DH52200311	Phan Nguyễn Hoài An	D22_TH04	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1452	DH52200312	Trần Bảo	An	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1453	DH52200315	Châu Hoàng	Ân	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1454	DH52200347	Nguyễn Hoàng Thiên	Bách	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1455	DH52200352	Đào Quốc	Bảo	D22_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1456	DH52200387	Đỗ Nguyễn Thanh	Bình	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1457	DH52200388	Đỗ Thanh	Bình	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1458	DH52200395	Phạm Đức	Bình	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1459	DH52200409	Bùi Đình	Chiêu	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1460	DH52200412	Dương Nguyên	Chương	D22_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1461	DH52200536	Nguyễn Quang	Dũng	D22_TH04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1462	DH52200561	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1463	DH52200457	Đỗ Hưng	Đạt	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1464	DH52200494	Phan Thành	Đạt	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1465	DH52200445	Trần Minh	Đặng	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1466	DH52200448	Trần Quang	Đặng	D22_TH04	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
1467	DH52200522	Lê Võ Trọng	Đức	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1468	DH52200604	Nguyễn Bá Quỳnh	Giao	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1469	DH52200615	Hồ Đăng Ngọc	Hải	D22_TH04	14	12.5	-	-	-	-	1.5	-	-	0
1470	DH52200680	Ngô Anh	Hiếu	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1471	DH52200685	Nguyễn Trung	Hiếu	D22_TH04	10.5	5	-	-	0.5	-	3	-	2	0
1472	DH52200695	Lê Lưu Trung	Hòa	D22_TH04	4	-	-	-	-	-	1	-	3	6
1473	DH52200700	Nguyễn Thanh	Hoài	D22_TH04	3	0.5	-	-	-	-	2.5	-	-	7
1474	DH52200716	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1475	DH52200717	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH04	3	-	-	-	-	-	1	-	2	7
1476	DH52200724	Trần Thái	Học	D22_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1477	DH52200733	Tổng Thới Duy	Hùng	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1478	DH52200763	Đoàn Dương Ngọc	Huy	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1479	DH52200765	Hồ Chí	Huy	D22_TH04	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
1480	DH52200770	Lê Quang	Huy	D22_TH04	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
1481	DH52200787	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1482	DH52200792	Phạm Lê	Huy	D22_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1514	DH52201448	Ngô Kiến	Thanh	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1515	DH52201449	Nguyễn Chí	Thanh	D22_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1516	DH52201467	Phạm Văn	Thành	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1517	DH52201434	Huỳnh Mai Việt	Thắng	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1518	DH52201556	Nguyễn Tân	Tiến	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1519	DH52201579	Hoàng Kim	Tĩnh	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1520	DH52201613	Trần Lê Minh	Trạng	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1521	DH52201605	Trần Mỹ	Trân	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1522	DH52201669	Nguyễn Hoài	Trung	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1523	DH52201672	Trần Ngọc Minh	Trung	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1524	DH52201710	Ngô Minh	Tuấn	D22_TH04	3.5	-	-	-	-	-	1.5	-	2	6.5
1525	DH52201736	Tạ Minh	Tùng	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1526	DH52201742	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D22_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1527	DH52201774	Nguyễn Hoàng	Vũ	D22_TH04	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
1528	DH52201780	Đặng Huy	Vương	D22_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1529	DH52200325	Ngô Thế	Anh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1530	DH52200338	Trần Gia Hoàng	Anh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1531	DH52200356	Hoàng Kim	Bảo	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1532	DH52200360	Lâm Quốc	Bảo	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1533	DH52200377	Trần Quốc	Bảo	D22_TH05	18	16	-	-	-	-	2	-	-	0
1534	DH52200380	Trương Hoàng Gia	Bảo	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1535	DH52200422	Lâm Đoàn Việt	Cường	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1536	DH52200576	Nguyễn Trường	Duy	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1537	DH52200591	Triệu Phạm Linh	Duy	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1538	DH52200547	Lưu Thanh	Dương	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1539	DH52200552	Trần Doãn Tùng	Dương	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1540	DH52200434	Phan Trọng	Đại	D22_TH05	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1541	DH52200436	Đỗ Duy	Đang	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1542	DH52200463	Hồ Mẫn	Đạt	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1543	DH52200506	Lê Chung	Đình	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1544	DH52200641	Trần Anh	Hào	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1545	DH52200693	Đình Minh	Hòa	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1546	DH52200697	Ngô Thanh	Hòa	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1547	DH52200712	Nguyễn Đức	Hoàng	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1548	DH52200808	Trần Trọng	Huy	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1549	DH52200809	Trần Trường	Huy	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1550	DH52200812	Võ Khắc	Huy	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1551	DH52200735	Huỳnh Đàm Vĩnh	Hung	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1552	DH52200754	Dương Thị Hồng	Hương	D22_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1553	DH52200834	Hồ Bảo	Khang	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1554	DH52200845	Nguyễn Trí	Khang	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1555	DH52200846	Phạm Nguyễn Đình	Khang	D22_TH05	35	29.5	-	-	-	-	5.5	-	-	0
1556	DH52200864	Bùi Trần Nam	Khánh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1557	DH52200875	Nguyễn Duy	Khánh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1558	DH52200877	Nguyễn Phùng Quốc	Khánh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1559	DH52200883	Phạm Thế	Khánh	D22_TH05	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
1560	DH52200916	Phan Đăng	Khoa	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1561	DH52200918	Trần Vũ Đăng	Khoa	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1562	DH52200924	Huỳnh Minh	Khôi	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1563	DH52200938	Lê Trung	Kiên	D22_TH05	4	-	1.5	-	-	-	2.5	-	-	6
1564	DH52200944	Dương Tuấn	Kiệt	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1565	DH52200949	Nguyễn Bảo	Kiệt	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1566	DH52200971	Trần Kiêm	Lâm	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1567	DH52200985	Nguyễn Phan Tuấn	Linh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1568	DH52201011	Diệp Phi	Long	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1569	DH52201013	Đỗ Ngọc Kim	Long	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1570	DH52200991	Bùi Đỗ Phúc	Lộc	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1571	DH52201035	Tô Nghiệp	Luân	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1572	DH52201038	Bùi Duy	Luận	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1573	DH52201045	Nguyễn Tuấn	Mẫn	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1574	DH52201050	Đào Tuấn	Minh	D22_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1575	DH52201078	Nguyễn An	Nam	D22_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1700	DH52200612	Nguyễn Nguyệt Hà	D22_TH07	13	12.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
1701	DH52200639	Phan Võ Lâm Anh	Hào	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1702	DH52200640	Tô Nhật	Hào	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1703	DH52200624	Nguyễn Gia	Hân	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1704	DH52200663	Đoàn Minh	Hiên	D22_TH07	6.5	6.5	-	-	-	-	-	-	3.5
1705	DH52200669	Trần Đình	Hiệp	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1706	DH52200674	Hoàng Xuân	Hiếu	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1707	DH52200690	Đỗ Văn	Hin	D22_TH07	9	-	-	-	-	6	-	3	1
1708	DH52200694	Đỗ Thuận	Hòa	D22_TH07	24	6.5	-	-	-	14.5	-	3	0
1709	DH52200706	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	D22_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1710	DH52200721	Trần Việt	Hoàng	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1711	DH52200788	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1712	DH52200756	Lê Thanh	Hương	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1713	DH52200759	Trần Võ Chí	Hữu	D22_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1714	DH52200822	Phạm Trần Đan	Kha	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1715	DH52200835	Huỳnh Văn	Khang	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1716	DH52200869	Lê Hữu	Khánh	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1717	DH52200892	Nguyễn Sỹ	Khiêm	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1718	DH52200917	Trần Lê Đăng	Khoa	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1719	DH52200937	Lê Trọng	Kiên	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1720	DH52200974	Phạm Ngọc	Lan	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1721	DH52200988	Phan Vũ	Linh	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1722	DH52201030	Trần Hoàng	Long	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1723	DH52201004	Trần Hữu	Lộc	D22_TH07	17	11.5	-	-	-	5.5	-	-	0
1724	DH52201005	Trần Tấn	Lộc	D22_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	9
1725	DH52201054	Lê Phương	Minh	D22_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1726	DH52201072	Nguyễn Thị Thu	Na	D22_TH07	21	20	-	-	-	1	-	-	0
1727	DH52201088	Huỳnh Thị Thu	Ngân	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1728	DH52201096	Lý Hậu	Nghĩa	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1729	DH52201097	Ngô Trọng	Nghĩa	D22_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	10
1730	DH52201104	Trần Tuấn	Nghĩa	D22_TH07	1	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1793	DH52201067	Trương Ngọc	Minh	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1794	DH52201076	Hàng Hồ	Nam	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1795	DH52201101	Nguyễn Thọ	Nghĩa	D22_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1796	DH52201107	Lâm Thái	Ngọc	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1797	DH52201122	Nguyễn Trung	Nguyên	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1798	DH52201126	Trần Trung	Nguyên	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1799	DH52201128	Đặng Lý	Nguyễn	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1800	DH52201134	Đỗ Thành	Nhân	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1801	DH52201135	Hồ Tấn	Nhân	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1802	DH52201173	Chong Tuấn	Phát	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1803	DH52201197	Trần Nhuận	Phát	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1804	DH52201225	Võ Thiên	Phú	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1805	DH52201279	Phạm Uyên	Phuong	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1806	DH52201302	Lê Nhật	Quang	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1807	DH52201317	Trần Văn	Quang	D22_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1808	DH52201283	Hà Hồng	Quân	D22_TH08	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1809	DH52201291	Nguyễn Hồng Minh	Quân	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1810	DH52201294	Nguyễn Mạnh	Quân	D22_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1811	DH52201330	Ngô Minh	Quý	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1812	DH52201332	Nguyễn Nhật	Quý	D22_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1813	DH52201348	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	D22_TH08	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1814	DH52201366	Bùi Nguyễn	Son	D22_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1815	DH52201372	Nguyễn Ngọc	Son	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1816	DH52201403	Phạm Tinh Minh	Tâm	D22_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1817	DH52201452	Đặng	Thành	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1818	DH52201455	La Chí	Thành	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1819	DH52201496	Nguyễn Chí	Thịnh	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1820	DH52201501	Nguyễn Hữu Xuân	Thịnh	D22_TH08	4	-	-	-	-	-	1	-	3	6
1821	DH52201502	Nguyễn Phú	Thịnh	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1822	DH52201531	Huỳnh Trung	Thuận	D22_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1823	DH52201541	Nguyễn Duy	Thức	D22_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1855	DH52200688	Phạm Văn	Hiếu	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1856	DH52200704	Lê Cao Việt	Hoàng	D22_TH09	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1857	DH52200734	Trần Minh	Hùng	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1858	DH52200764	Đoàn Hoàng	Huy	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1859	DH52200781	Nguyễn Ngọc	Huy	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1860	DH52200795	Phạm Nguyễn Nhật	Huy	D22_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1861	DH52200737	Nguyễn Hoàng	Hưng	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1862	DH52200746	Trần Huy Khải	Hưng	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1863	DH52200837	Lê Duy	Khang	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1864	DH52200856	Vũ Đình	Khang	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1865	DH52200874	Nguyễn Duy	Khánh	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1866	DH52200873	Nguyễn Đào Minh	Khánh	D22_TH09	33.5	17.5	-	-	-	-	15	-	1	0
1867	DH52200881	Nguyễn Xuân	Khánh	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1868	DH52200913	Nguyễn Minh	Khoa	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1869	DH52200928	Nguyễn Đăng	Khôi	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1870	DH52200939	Nguyễn Hữu	Kiên	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1871	DH52200960	Võ Gia	Kiệt	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1872	DH52200965	Huỳnh Nhật	Ký	D22_TH09	3.5	-	0.5	-	0.5	-	1.5	1	-	6.5
1873	DH52200978	Phan Công	Lập	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1874	DH52201026	Phan Thành	Long	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1875	DH52200999	Nguyễn Hữu	Lộc	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1876	DH52201003	Phạm Tấn	Lộc	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1877	DH52201006	Trần Trung	Lộc	D22_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1878	DH52201048	Nguyễn Tuấn	Mạnh	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1879	DH52201044	Hồ Minh	Mẫn	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1880	DH52201052	Hồ Sỹ	Minh	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1881	DH52201086	Bùi Ngọc Kim	Ngân	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1882	DH52201127	Trương Nhã	Nguyên	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1883	DH52201131	Phạm Phong	Nhã	D22_TH09	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
1884	DH52201189	Nguyễn Lê Tiến	Phát	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1885	DH52201209	Lê Ngọc	Phong	D22_TH09	2.5	-	0.5	-	-	-	2	-	-	7.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1886	DH52201321	Nguyễn Anh	Quốc	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1887	DH52201329	Mai Anh	Quý	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1888	DH52201355	Huỳnh Minh	Sang	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1889	DH52201357	Ngô Hoàng	Sang	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1890	DH52201368	Lý Quốc	Son	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1891	DH52201371	Nguyễn Hùng Thanh	Son	D22_TH09	3.5	-	0.5	-	0.5	-	2.5	-	-	6.5
1892	DH52201381	Lê Nhân	Tài	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1893	DH52201386	Nguyễn Đức	Tài	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1894	DH52201397	Võ Văn	Tài	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1895	DH52201398	Vương Thái	Tài	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1896	DH52201413	Đặng Mạnh	Tấn	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1897	DH52201414	Nguyễn Công	Tấn	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1898	DH52201470	Võ Thị Xuân	Thao	D22_TH09	2	1	-	-	-	-	1	-	-	8
1899	DH52201474	Nguyễn ái Phương	Thảo	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1900	DH52201438	Nguyễn Quang	Thắng	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1901	DH52201488	Trần Quang	Thiện	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1902	DH52201510	Võ Thị Kiều	Thơ	D22_TH09	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
1903	DH52201565	Bùi Tấn	Tín	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1904	DH52111928	Nguyễn Hữu	Trí	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1905	DH52201641	Nguyễn Minh	Triết	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1906	DH52201740	Nguyễn Minh	Tuyên	D22_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1907	DH52201743	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	D22_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1908	DH52200302	Nguyễn Duy	An	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1909	DH52200308	Nguyễn Văn	An	D22_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1910	DH52200320	Đặng Võ Phương	Anh	D22_TH10	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
1911	DH52200389	Dương Quốc	Bình	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1912	DH52200399	Vũ Thanh	Bình	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1913	DH52200450	Lâm Công	Danh	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1914	DH52200532	Hồ Văn	Dũng	D22_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1915	DH52200574	Nguyễn Thị Ngọc	Duy	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1916	DH52200580	Nguyễn Việt	Duy	D22_TH10	13	7	-	-	-	-	2	1	3	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1979	DH52201723	Võ Anh	Tuấn	D22_TH10	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
1980	DH52201727	Trần Thiên	Tuệ	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1981	DH52201769	Đào Hoàng	Vũ	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1982	DH52201776	Nguyễn Long	Vũ	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1983	DH52201777	Nguyễn Trường	Vũ	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1984	DH52201779	Cao Thị Thanh	Vương	D22_TH10	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1985	DH52201787	Trần Võ Thúy	Vy	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1986	DH52201788	Trương Nguyễn Trường	Vy	D22_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1987	DH52200323	Lê Ngọc Đức	Anh	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1988	DH52200372	Nguyễn Trần Tuấn	Bảo	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1989	DH52200374	Phan Trần Thái	Bảo	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1990	DH52200392	Lê Trọng	Bình	D22_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1991	DH52200404	Lâm Bảo	Châu	D22_TH11	5	0.5	0.5	-	0.5	-	3.5	-	-	5
1992	DH52200534	Nguyễn Đình	Dũng	D22_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1993	DH52200537	Nguyễn Tiến	Dũng	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1994	DH52200550	Nguyễn Trọng	Dương	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1995	DH52200465	Hoàng Quốc	Đạt	D22_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1996	DH52200468	Huỳnh Tấn Thành	Đạt	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1997	DH52200482	Nguyễn Tấn	Đạt	D22_TH11	2.5	0.5	-	-	-	-	2	-	-	7.5
1998	DH52200491	Nguyễn Trọng	Đạt	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1999	DH52200501	Trương Tuấn	Đạt	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2000	DH52200437	Chung Tường	Đặng	D22_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2001	DH52200442	Nguyễn Khánh	Đặng	D22_TH11	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
2002	DH52200511	Phạm Hữu	Đời	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2003	DH52200600	Nguyễn Đặng Trường	Giang	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2004	DH52200648	Bùi Công	Hậu	D22_TH11	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2005	DH52200666	Lâm Đức	Hiệp	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2006	DH52200677	Huỳnh Trung	Hiếu	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2007	DH52200760	Cao Chí	Huy	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2008	DH52200778	Nguyễn Gia	Huy	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2009	DH52200779	Nguyễn Hoàng Quốc	Huy	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
2010	DH52200801	Thái Quang	Huy	D22_TH11	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
2011	DH52200740	Nguyễn Tấn	Hung	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2012	DH52200743	Phạm Quốc	Hung	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2013	DH52200852	Trần Sa Tấn	Khang	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2014	DH52200855	Võ Minh	Khang	D22_TH11	1	-	1	-	-	-	-	-	-	9
2015	DH52200863	Âu Dương Gia	Khánh	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2016	DH52200868	Lâm Huỳnh Ngọc	Khánh	D22_TH11	12	11.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
2017	DH52200871	Lương Quốc	Khánh	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2018	DH52200882	Phạm Duy	Khánh	D22_TH11	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
2019	DH52200896	Bùi Nhật	Khoa	D22_TH11	6.5	6.5	-	-	-	-	-	-	-	3.5
2020	DH52200909	Nguyễn Đăng	Khoa	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2021	DH52200933	Phan Nguyễn An	Khương	D22_TH11	5	5	-	-	-	-	-	-	-	5
2022	DH52200936	Huỳnh Trung	Kiên	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2023	DH52200940	Nguyễn Trung	Kiên	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2024	DH52200957	Trần Anh	Kiệt	D22_TH11	11.5	-	-	-	-	-	11.5	-	-	0
2025	DH52200973	Nguyễn Hoàng	Lâm	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2026	DH52201018	Nguyễn Lê Hoàng	Long	D22_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2027	DH52201020	Nguyễn Nhật	Long	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2028	DH52201028	Trần Bảo	Long	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2029	DH52201039	Đới Công	Luận	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2030	DH52201069	Khương Thị Trúc	My	D22_TH11	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
2031	DH52201082	Phạm Nhật	Nam	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2032	DH52201119	Nguyễn Anh	Nguyên	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2033	DH52201120	Nguyễn Thanh	Nguyên	D22_TH11	1	-	0.5	-	-	-	0.5	-	-	9
2034	DH52201147	Văng Phước	Nhân	D22_TH11	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
2035	DH52201151	Nguyễn Minh	Nhật	D22_TH11	7	-	-	-	-	-	6	1	-	3
2036	DH52201211	Nguyễn Trần Nam	Phong	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2037	DH52201244	Nguyễn Hoàng Trọng	Phúc	D22_TH11	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2038	DH52201323	Nguyễn Phú	Quốc	D22_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2039	DH52201336	Trương Đàm Công	Quý	D22_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2040	DH52201352	Nguyễn Hoàng Duy	San	D22_TH11	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
2103	DH52201042	Đoàn Khánh Ly	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2104	DH52201043	Trần Thị Trúc Ly	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2105	DH52201100	Nguyễn Thanh Nghĩa	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2106	DH52201102	Phạm Hữu Nghĩa	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2107	DH52201108	Lò Bảo Ngọc	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2108	DH52201124	Phan Trung Nguyên	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2109	DH52201133	Đào Thành Nhân	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2110	DH52201143	Nguyễn Trần Thành Nhân	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2111	DH52201153	Nguyễn Minh Nhật	D22_TH12	6	5	-	-	-	-	1	-	-	4
2112	DH52201157	Lương Tuệ Nhi	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2113	DH52201161	Trần Thúc Nhơn	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2114	DH52201186	Nguyễn Gia Phát	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2115	DH52201187	Nguyễn Huỳnh Đại Phát	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2116	DH52201210	Ngô Đông Phong	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2117	DH52201246	Nguyễn Minh Phúc	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2118	DH52201255	Trần Hoài Phúc	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2119	DH52201296	Phạm Minh Quân	D22_TH12	4	2	1	-	-	-	1	-	-	6
2120	DH52201337	Bùi Thúy Quyên	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2121	DH52201382	Lê Thành Tài	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2122	DH52201387	Nguyễn Tấn Tài	D22_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2123	DH52201415	Nguyễn Ngọc Tấn	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2124	DH52201417	Dương Quốc Thái	D22_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2125	DH52201454	Dương Nhật Thành	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2126	DH52201436	Lương Văn Thắng	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2127	DH52201429	Phạm Văn Thân	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2128	DH52201476	Trần Văn Thập	D22_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2129	DH52201504	Nguyễn Tuấn Thịnh	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2130	DH52201511	Võ Hoài Thọ	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2131	DH52201546	Đặng Thị Thùy	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2132	DH52201542	Nguyễn Hoàng Minh	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2133	DH52201543	Nguyễn Phi Thương	D22_TH12	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
2134	DH52201552	Nguyễn Lương	Tiến	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2135	DH52201586	Đào Đức	Toàn	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2136	DH52201630	Nguyễn Minh	Trí	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2137	DH52201647	Trần Thiên	Triệu	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2138	DH52201750	Lê Thanh	Việt	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2139	DH52201759	Nguyễn Ngọc	Vinh	D22_TH12	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2140	DH52201765	Trần Phương	Vinh	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2141	DH52201786	Trần Thị Yến	Vy	D22_TH12	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
2142	DH52201790	Nguyễn Phúc Toàn	Vỹ	D22_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2143	DH52200297	Hà Huỳnh Thúy	An	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2144	DH52200303	Nguyễn Hoàng	An	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2145	DH52200327	Nguyễn Hà Tuấn	Anh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2146	DH52200334	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2147	DH52200341	Trần Tuấn	Anh	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2148	DH52200342	Võ Hoàng	Anh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2149	DH52200317	Huỳnh Ngọc Hồng	Ân	D22_TH13	3	-	-	-	-	-	1	-	2	7
2150	DH52200382	Vũ Quốc	Bảo	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
2151	DH52200384	Trần Chánh	Biện	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2152	DH52200398	Trần Thanh	Bình	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2153	DH52200406	Trần Ngọc	Châu	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2154	DH52200407	Phan Thị Bích	Chi	D22_TH13	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
2155	DH52200414	Nguyễn Thế	Chương	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2156	DH52200504	Giang Ca	Diệp	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2157	DH52200541	Trương Hùng	Dũng	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2158	DH52200560	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2159	DH52200585	Phan Nhật	Duy	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2160	DH52200548	Nguyễn Hoàng	Dương	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2161	DH52200474	Mai Hòa Phát	Đạt	D22_TH13	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	8.5
2162	DH52200497	Trần Tiến	Đạt	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2163	DH52200500	Trịnh Công	Đạt	D22_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2164	DH52200512	Trần Trung	Đông	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
2165	DH52200521	Lê Thành	Đức	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2166	DH52200598	Lê Quỳnh	Giang	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2167	DH52200709	Ngô Thanh	Hoàng	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2168	DH52200775	Mê Thái	Huy	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2169	DH52200791	Phạm Anh	Huy	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2170	DH52200813	Võ Thanh	Huy	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2171	DH52200818	Huỳnh Dương	Huỳnh	D22_TH13	4	-	-	-	-	-	1	-	3	6
2172	DH52200820	Đoàn Tuấn	Kha	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2173	DH52200830	Phan Minh	Khải	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2174	DH52200842	Nguyễn Hữu	Khang	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2175	DH52200867	Đậu Quốc	Khánh	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2176	DH52200870	Lê Minh	Khánh	D22_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2177	DH52200932	Trần Anh	Khôi	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2178	DH52200934	Phạm Văn	Khuyến	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2179	DH52200953	Phạm Tuấn	Kiệt	D22_TH13	2	-	1	-	-	-	1	-	-	8
2180	DH52200966	Bùi Nhật	Lâm	D22_TH13	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
2181	DH52201040	Nguyễn Hoàng	Lục	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
2182	DH52201049	Nguyễn Trần Công	Mìn	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2183	DH52201103	Phạm Trần Chung	Nghĩa	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2184	DH52201111	Trần Bội	Ngọc	D22_TH13	5	-	-	-	-	-	3	-	2	5
2185	DH52201167	Bùi Minh	Nhật	D22_TH13	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2186	DH52201195	Thái Gia	Phát	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2187	DH52201199	Trần Tiến	Phát	D22_TH13	2	-	-	-	-	-	-	-	2	8
2188	DH52201216	Trần Tuấn	Phong	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2189	DH52201238	Mạc Hữu	Phúc	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2190	DH52201252	Nguyễn Võ Gia	Phúc	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2191	DH52201272	Đặng Quang	Phương	D22_TH13	19.5	19	-	-	-	-	0.5	-	-	0
2192	DH52201274	Hồ Hoài	Phương	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2193	DH52201276	Lê Kiều	Phương	D22_TH13	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
2194	DH52201305	Nguyễn Đức	Quang	D22_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2195	DH52201309	Nguyễn Trần Quốc	Quang	D22_TH13	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
						1	2	3	4	5	6	7	8		
2351	DH52201578	Kiều Đình	Tĩnh	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2352	DH52201619	Lê Hữu	Trí	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
2353	DH52201637	Trần Đình	Trí	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2354	DH52201644	Trần Hồ Hải	Triều	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2355	DH52201681	Nguyễn Nhật	Trường	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2356	DH52201692	Võ Hoàng	Trường	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2357	DH52201718	Nông Minh	Tuấn	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2358	DH52201733	Nguyễn Thanh	Tùng	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2359	DH52201739	Lê Thị Kim	Tuyền	D22_TH15	35.5	25	1	-	-	-	9.5	-	-	-	0
2360	DH52201772	Lê Ngọc Hoàng	Vũ	D22_TH15	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2361	DH52201773	Nguyễn Đức	Vũ	D22_TH15	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	-	9.5
2362	DH52201778	Phan Long	Vũ	D22_TH15	25.5	24	-	-	-	-	1.5	-	-	-	0
2363	DH52201794	Cao Thị Hải	Yến	D22_TH15	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9

Tổng số SV: **2363**

Đã hoàn thành: **109**

Chưa hoàn thành: **2254**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
8. Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Người lập bảng

Phụ trách Phòng Công tác Sinh viên

Đã ký

Đã ký

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Lê Thị Phương Hằng